

Phụ lục
BẢN RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH
VỀ CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-TL ngày tháng năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về một số nội dung trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm: Điều tra cơ bản; đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sinh hoạt nông thôn.	<p>- Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:</p> <p>“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý; bao gồm:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.</p> <p>2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không do Nhà nước đầu tư, quản lý.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (bao gồm cả khu công nghiệp, khu chế xuất, khu</p>	<p>- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý, bao gồm: tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị. Nghị định này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không do Nhà nước đầu tư quản lý, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ bao gồm các</p>

	<p>công nghệ cao trong khu kinh tế).</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước như: công trình thu và chứa nước hộ gia đình, giếng thu nước ngầm tầng (giếng đào, giếng mạch lộ), giếng khoan đường kính nhỏ.”.</p> <p>“Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. 2. Đơn vị sự nghiệp công lập. 3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã). 4. Doanh nghiệp. 5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.”. <p>- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ):</p> <p>“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định này quy định về các hoạt 	<p>công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn sẽ quy định các vấn đề chưa được điều chỉnh tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP bao gồm điều tra cơ bản, quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn. Nghị định số 43/2022/NĐ-CP cũng chưa điều chỉnh các nội dung liên quan đến nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn, quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, cấp nước an toàn, quản lý rủi ro cho cấp nước nông thôn trong trường hợp</p>
--	---	--

	<p>động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp); quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>3. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó”.</p>	<p>thiên tai, biến đổi khí hậu, cơ chế tài chính và chính sách ưu đãi trong cấp nước nông thôn.</p> <p>- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ) quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp)</p>
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Cấp nước sinh hoạt nông thôn</i> là hoạt động cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt của người dân ở khu vực nông thôn.</p>	<p>Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày</p>	<p>Nghị định số 117/2007/NĐ-CP giải thích một số thuật ngữ liên quan nhưng nội dung các thuật ngữ này gắn với phạm vi</p>

<p>2. <i>Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</i> là công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có chất lượng nước sau xử lý đạt quy chuẩn, cấp nước cho quy mô từ cấp thôn, bản, làng, xóm, ấp hoặc tương đương trở lên.</p> <p>3. <i>Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</i> là công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn do hộ gia đình tự khai thác, xử lý nước để cấp cho một, một vài hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình.</p> <p>4. <i>Nước sạch đạt quy chuẩn</i> (sau đây gọi là nước sạch) là nước có các thông số chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.</p> <p>5. <i>Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung</i> (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân quản lý khai thác) là chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý, sản xuất, vận hành, truyền dẫn, duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung.</p> <p>6. <i>Bảo đảm cấp nước an toàn</i> là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lưu lượng, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định và kiểm soát được các loại rủi ro trong toàn hệ thống từ nguồn nước tới người sử dụng.</p> <p>7. <i>Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh).</p>	<p>28/12/2011 của Chính phủ):</p> <p>“Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Hoạt động cấp nước là các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, bao gồm: quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch và sử dụng nước.</p> <p>2. Dịch vụ cấp nước là các hoạt động có liên quan của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch.</p> <p>3. Đơn vị cấp nước là tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn nước sạch và bán lẻ nước sạch.</p> <p>4. Đơn vị cấp nước bán buôn là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch cho một đơn vị cấp nước khác để phân phối, bán trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.</p> <p>5. Đơn vị cấp nước bán lẻ là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.</p> <p>6. Khách hàng sử dụng nước là tổ chức,</p>	<p>điều chỉnh của Nghị định là các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Các thuật ngữ này chưa thể hiện được những nội dung đặc thù về cấp nước sạch nông thôn. Do đó, trên cơ sở quy định của Nghị định số 117, dự thảo Nghị định đưa ra các thuật ngữ để giải thích liên quan trực tiếp và gắn với đặc thù của hoạt động cấp nước sạch nông thôn. Nội dung Điều này không mâu thuẫn, chồng chéo và trùng lặp với quy định của Nghị định số 117.</p>
--	---	--

	<p>cá nhân và hộ gia đình mua nước sạch của đơn vị cấp nước.</p> <p>7. Nước sạch là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng.</p> <p>8. Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh là một hệ thống bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến khách hàng sử dụng nước và các công trình phụ trợ có liên quan.</p> <p>9. Mạng lưới cấp nước là hệ thống đường ống truyền dẫn nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, bao gồm mạng cấp I, mạng cấp II, mạng cấp III và các công trình phụ trợ có liên quan.</p> <p>10. Mạng cấp I là hệ thống đường ống chính có chức năng vận chuyển nước tới các khu vực của vùng phục vụ cấp nước và tới các khách hàng sử dụng nước lớn.</p> <p>11. Mạng cấp II là hệ thống đường ống nối có chức năng điều hòa lưu lượng cho các tuyến ống chính và bảo đảm sự làm việc an toàn của hệ thống cấp nước.</p> <p>12. Mạng cấp III là hệ thống các đường ống phân phối lấy nước từ các đường ống chính và ống nối dẫn nước tới các</p>	
--	---	--

	<p>khách hàng sử dụng nước.</p> <p>13. Công trình phụ trợ là các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như sân, đường, nhà xưởng, tường rào, trạm biến áp, các loại hố van, hộp đồng hồ, họng cứu hỏa...</p> <p>14. Thiết bị đo đếm nước là thiết bị đo lưu lượng, áp lực bao gồm các loại đồng hồ đo nước, đồng hồ đo áp lực và các thiết bị, phụ kiện kèm theo.</p> <p>15. Trộm cấp nước là hành vi lấy nước trái phép không qua đồng hồ đo nước, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của đồng hồ và các thiết bị khác có liên quan đến đo đếm nước, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đồng hồ và các hành vi lấy nước gian lận khác.</p> <p>16. Vùng phục vụ cấp nước là khu vực có ranh giới xác định mà đơn vị cấp nước có nghĩa vụ cung cấp nước sạch cho các đối tượng sử dụng nước trong khu vực đó.”</p>	
<p>Điều 4. Nguyên tắc cấp nước sinh hoạt nông thôn</p> <p>1. Nhà nước đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình khu vực nông thôn trong tiếp cận và sử dụng nước sạch theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn</p>	<p>- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ):</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước chỉ có quy định chung về nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu</p>

<p>được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, có phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>3. Cấp nước sinh hoạt nông thôn là dịch vụ công do Nhà nước trực tiếp đảm nhận thực hiện hoặc tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia thực hiện; dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm dịch vụ công ích được Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng.</p> <p>4. Nhà nước đầu tư xây dựng mới, ưu tiên đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước để đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân tại khu vực nông thôn, đảm bảo quốc phòng an ninh và các nhiệm vụ chính trị khác.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; có chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; có chính sách hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình; có chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ gia đình ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn được sử dụng nước sạch.</p> <p>6. Giá tiêu thụ nước sạch được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và đảm bảo có lợi nhuận. Nhà nước có chính sách hỗ trợ giá nước sạch trong trường hợp giá tiêu thụ nước sạch được phê duyệt thấp hơn giá thành sản xuất nước sạch.</p> <p>7. Khách hàng sử dụng nước phải trả tiền sử dụng nước theo biểu giá nước sạch được cấp có thẩm quyền quyết định.</p> <p>8. Việc sản xuất nước sạch phải hiệu quả, đúng mục đích, phù</p>	<p>“Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và chính sách phát triển ngành nước</p> <p>1. Hoạt động cấp nước là loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước, trong đó có xét đến việc hỗ trợ cấp nước cho người nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn.</p> <p>2. Phát triển hoạt động cấp nước bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng bảo đảm, dịch vụ văn minh và kinh tế cho nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>3. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính.</p> <p>4. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cấp nước cho mục đích sinh hoạt của cộng đồng.</p> <p>5. Khuyến khích sử dụng nước sạch hợp lý, tiết kiệm và áp dụng các công nghệ tái sử dụng nước cho các mục đích khác nhau.</p> <p>6. Khuyến khích các thành phần kinh tế, cộng đồng xã hội tham gia đầu tư phát triển và quản lý hoạt động cấp</p>	<p>quả tác hại do nước gây ra.</p> <p>- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định về nguyên tắc hoạt động cấp nước gắn với phạm vi điều chỉnh của Nghị định là các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Các thuật ngữ này chưa thể hiện được những nội dung đặc thù về cấp nước sạch nông thôn. Do đó, trên cơ sở quy định của Nghị định số 117, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc hoạt động gắn với đặc thù của hoạt động cấp nước sạch nông thôn. Nội dung Điều này không mâu thuẫn, chồng chéo và trùng lặp với quy định của Nghị định số 117.</p> <p>- Nghị định số</p>
--	--	---

<p>hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước và có phương án khai thác, sử dụng nước tiết kiệm.</p>	<p>nước.”</p> <p>- Luật Tài nguyên nước:</p> <p>“Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</p> <p>1. Việc quản lý tài nguyên nước phải bảo đảm thống nhất theo lưu vực sông, theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính.</p> <p>2. Tài nguyên nước phải được quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và nước dưới đất; nước trên đất liền và nước vùng cửa sông, nội thủy, lãnh hải; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.</p> <p>3. Việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải tuân theo chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên</p>	<p>117/2007/NĐ-CP mới chỉ có quy định chung về khuyến khích sử dụng nước sạch hợp lý, tiết kiệm và áp dụng các công nghệ tái sử dụng nước cho các mục đích khác nhau. Luật Tài nguyên nước quy định nguyên tắc chung về khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải tiết kiệm và Nhà nước có chính sách để bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước. Cả 02 văn bản này đều chưa có quy định cụ thể về việc bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn. Do đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về nội dung này; quy định này không trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.</p>
---	---	---

	<p>nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>4. Bảo vệ tài nguyên nước là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải lấy phòng ngừa là chính, gắn với việc bảo vệ, phát triển rừng, khả năng tái tạo tài nguyên nước, kết hợp với bảo vệ chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh, khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.</p> <p>5. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tổ chức, cá nhân.</p> <p>6. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải có kế hoạch và biện pháp chủ động; bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của cả nước, các vùng, ngành; kết hợp giữa khoa học, công nghệ hiện đại với kinh nghiệm truyền thống của Nhân dân và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.</p> <p>7. Các dự án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải góp phần phát triển kinh tế - xã hội</p>	<p>- Trên cơ sở các quy định chung của Nghị định số</p>
--	--	---

	<p>và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư, quốc phòng, an ninh, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và môi trường.</p> <p>8. Các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư.</p> <p>9. Bảo đảm chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia, công bằng, hợp lý trong bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra đối với các nguồn nước liên quốc gia.”</p> <p>- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định một số nội dung về điều kiện, Điều kiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; căn cứ, nội dung, hình</p>	<p>32/2019/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu; phương thức, thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và các quy định khác liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Do đó, quy định của dự thảo Nghị định không mâu thuẫn, chòng chéo với quy định của pháp luật hiện hành.</p>
--	---	---

	<p>thức giao nhiệm vụ; điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; căn cứ, hình thức, nội dung đặt hàng; điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; điều kiện, căn cứ, hình thức đặt hàng, nội dung hợp đồng đặt hàng; đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích... Nghị định số 32/2019/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn.</p>	
<p>Điều 5. Điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn Điều tra cơ bản cấp nước sinh hoạt nông thôn nhằm thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn. 1. Điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Hiện trạng về số lượng, chất lượng, năng lực phục vụ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp nước nông thôn; nhu cầu sử</p>	<p>Luật Tài nguyên nước (Chương II): “Mục 1. ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC Điều 10. Trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra cơ bản tài nguyên nước 1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước phải được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Luật Tài nguyên nước quy định 01 Mục (Mục 1 Chương II) về điều tra cơ bản tài nguyên nước nói chung, trong đó quy định về trách nhiệm của Nhà nước, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước</p>

<p>dụng nước sạch nông thôn;</p> <p>b) Hiện trạng về hoạt động, quản lý khai thác công trình trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác, xử lý và phân phối;</p> <p>c) Hiện trạng về cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, hiệu quả của cơ chế chính sách trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p> <p>d) Tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến đảm bảo cấp nước sạch, phục vụ đời sống của người dân và các hoạt động sử dụng nước khác ở khu vực nông thôn;</p> <p>đ) Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước cấp, các nguồn gây ô nhiễm, công tác phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, bảo vệ nguồn nước cấp trên các vùng, lưu vực sông.</p> <p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi cả nước hoặc vùng từ 02 tỉnh trở lên.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Kinh phí cho điều tra cơ bản tài nguyên nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <p>3. Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của mình.</p> <p>Điều 11. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p>1. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Việc lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Đáp ứng yêu cầu xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, chiến lược tài nguyên nước;</p> <p>b) Làm căn cứ cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.</p>	<p>và tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước. Trên cơ sở quy định của Luật Tài nguyên nước và những đặc thù của hoạt động cấp nước sạch nông thôn, dự thảo Nghị định quy định về điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn. Quy định của dự thảo Nghị định là không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của Luật Tài nguyên nước.</p>
---	---	---

- | | | |
|--|--|--|
| | <p>2. Căn cứ lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chiến lược tài nguyên nước;b) Quy hoạch cao hơn;c) Kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thời kỳ trước. <p>3. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Xác định các yêu cầu về thông tin, số liệu về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên cả nước;b) Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện điều tra cơ bản hoặc kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thời kỳ trước;c) Xác định các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước cần tiến hành đối với các lưu vực sông, các vùng, các nguồn nước được thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trong thời kỳ quy hoạch;d) Xác định thứ tự ưu tiên các hoạt động điều tra cơ bản được xác định tại điểm c khoản này;đ) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến | |
|--|--|--|

	<p>độ thực hiện.</p> <p>4. Thời kỳ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là 10 năm, tầm nhìn là 20 năm.</p> <p>Điều 12. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p>1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các hoạt động sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước; b) Kiểm kê tài nguyên nước định kỳ 05 năm một lần; c) Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước; d) Xây dựng và duy trì hệ thống mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước; đ) Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra; e) Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; g) Xây dựng báo cáo tài nguyên nước quốc gia, báo cáo tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của ngành, lĩnh vực. <p>2. Nội dung hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước quy định tại điểm a</p>	
--	---	--

	<p>khoản 1 Điều này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Lập bản đồ đặc trưng lưu vực sông, bản đồ đặc trưng các sông, suối, hồ, đầm, phá và các vùng biển;b) Lập bản đồ địa chất thủy văn cho các tầng, các cấu trúc chứa nước, phức hệ chứa nước;c) Đánh giá số lượng và chất lượng các nguồn nước; tìm kiếm nguồn nước dưới đất;d) Lập bản đồ tài nguyên nước, bản đồ phân vùng chất lượng nguồn nước, các bản đồ chuyên đề về tài nguyên nước;đ) Đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, nhiễm mặn nguồn nước mặt, nước dưới đất, ô nhiễm nước biển; phân loại nguồn nước theo mức độ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;e) Xác định khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;g) Xác định dòng chảy tối thiểu trong sông, ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước, các khu vực dự trữ nước, khu vực cần cấm hoặc hạn chế khai thác nước;h) Đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên	
--	---	--

	<p>nước, diễn biến bất thường về số lượng, chất lượng các nguồn nước và các tác hại do nước gây ra;</p> <p>i) Xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.</p> <p>Điều 13. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước của cả nước;</p> <p>b) Tổng hợp kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>c) Lập, công bố báo cáo tài nguyên nước quốc gia định kỳ 05 năm một lần, báo cáo chuyên đề về tài nguyên nước hằng năm.</p> <p>2. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.</p>	
--	---	--

	<p>4. Việc thực hiện điều tra cơ bản về tài nguyên nước phải do đơn vị có đủ điều kiện về năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>5. Chính phủ quy định cụ thể việc điều tra cơ bản tài nguyên nước.”</p>	
<p>Điều 6. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>1. Nguyên tắc đầu tư</p> <p>a) Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn, tuân thủ pháp luật về đầu tư, xây dựng và quy định khác của pháp luật liên quan;</p> <p>b) Nhà nước đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn, khan hiếm về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo;</p> <p>c) Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung quy mô lớn, kết nối liên thông mạng lưới cấp nước nông thôn hiện có, đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, hạn chế khai thác nước dưới đất.</p> <p>2. Yêu cầu trong đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>a) Phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan;</p> <p>b) Dựa trên khả năng đáp ứng của nguồn nước, nhu cầu sử</p>	<p>- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ):</p> <p>“Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và chính sách phát triển ngành nước</p> <p>...</p> <p>6. Khuyến khích các thành phần kinh tế, cộng đồng xã hội tham gia đầu tư phát triển và quản lý hoạt động cấp nước.”</p> <p>“Điều 34. Đầu tư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước</p> <p>1. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước đã được phê duyệt.</p> <p>2. Đầu tư phát triển mạng phân phối, đấu nối tới các khách hàng sử dụng nước thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của đơn vị cấp nước khi đã có kế hoạch phát triển cấp nước được cấp có thẩm</p>	<p>Công trình cấp nước sạch tập trung là công trình có tính chất đặc thù, ngoài những quy định về quản lý xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung có những nguyên tắc, và yêu cầu riêng.</p> <p>Quy định của dự thảo Nghị định không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, và các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư xây dựng.</p>

dụng nước, phù hợp với đặc điểm vùng, miền và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương;

c) Xác định mô hình quản lý khai thác đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh; phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh nước sạch và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch;

d) Bố trí tổng thể và thiết kế phải tạo thuận lợi cho công tác quản lý khai thác công trình, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, khi công trình bị hư hỏng hoặc xảy ra sự cố.

3. Lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức xã hội hóa

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục dự án đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung kêu gọi xã hội hóa (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm) và công bố rộng rãi danh mục trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư áp dụng quy trình đấu thầu rộng rãi.

Trường hợp có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án.

b) Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

quyền phê duyệt."

"Điều 38. Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước mới tại khu vực chưa có hệ thống cấp nước tập trung hoặc tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung mà làm thay đổi một cách cơ bản điều kiện chất lượng dịch vụ và mức giá nước sạch, tổ chức tư vấn phải tiến hành:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng nhằm đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền nước của người dân khu vực dự án; đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện;

b) Việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác

<p>Nhà đầu tư có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật, quản lý và nhân sự đáp ứng quy định tại khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định này.</p> <p>c) Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.</p>	<p>định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để bảo đảm hiệu quả kinh tế tổng hợp của dự án;</p> <p>c) Phương án giá nước sạch phải được tính toán phù hợp với điều kiện cụ thể của các nguồn vốn của dự án;</p> <p>d) Dự thảo nội dung Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước hoặc các nội dung bổ sung, điều chỉnh của Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã có được ký kết giữa Ủy ban nhân dân và đơn vị cấp nước.</p> <p>3. Các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước có quy mô công suất từ 30.000 m³/ngày trở lên đối với đô thị loại đặc biệt và 10.000 m³/ngày trở lên đối với các đô thị còn lại phải có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt."</p> <p>- Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:</p> <p>“Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch</p> <p>....</p>	
--	--	--

	<p>3. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm huy động và đa dạng hóa nguồn lực để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. ...”</p>	
<p>Điều 7. Truyền thông về cấp nước sinh hoạt nông thôn 1. Truyền thông nâng cao nhận thức của người dân nông thôn trong việc sử dụng nước sạch là trách nhiệm của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương các cấp và tổ chức, cá nhân quản lý khai thác. 2. Nội dung truyền thông bao gồm: a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn; b) Nguy hại của việc sử dụng nước không đạt quy chuẩn; những lợi ích mang lại khi sử dụng nước sạch trong sinh hoạt của người dân; công khai mức đóng góp chi phí đầu nối sử dụng nước của khách hàng sử dụng nước từ công trình cấp nước sạch tập trung; mức chi trả tiền sử dụng nước theo biểu giá được cấp có thẩm quyền quyết định; c) Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, hệ thống đường ống dẫn nước; sử dụng nước an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động tích trữ nước để ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng...và các vấn đề khác nhằm đảm bảo cấp nước an toàn. 3. Nguồn kinh phí thực hiện công tác truyền thông được cấp từ các nguồn sau: ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ</p>	<p>Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ): “Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cấp nước 1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị cấp nước trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và trường học tổ chức phổ biến, giáo dục, hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước. 2. Các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với cơ quan quản lý nhà</p>	<p>Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định về hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cấp nước (phạm vi chỉ là quy định trách nhiệm chung của các cơ quan trong việc tuyên truyền, phổ biến và nội dung tuyên truyền, phổ biến là pháp luật về cấp nước). Dự thảo Nghị định quy định về hoạt động truyền thông, phạm vi rộng hơn, không chỉ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước trong cấp nước sạch nông thôn mà còn bao gồm cả thay đổi hành vi, thói quen sử dụng nước sạch, công khai mức dân đóng góp chi phí đầu nối sử</p>

<p>cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và các nguồn vốn hợp pháp khác.</p>	<p>nước về cấp nước tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước.”</p>	<p>dụng nước từ công trình cấp nước tập trung nông thôn, đồng thuận chi trả tiền sử dụng nước theo biểu giá được cấp có thẩm quyền quyết định; nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, hệ thống đường ống dẫn nước; sử dụng nước an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động tích, trữ nước trong thời gian hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng... Ngoài ra, dự thảo Nghị định còn quy định cụ thể về đối tượng tuyên truyền.</p> <p>Quy định của dự thảo Nghị định không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 8. Khoa học công nghệ trong cấp nước sinh hoạt nông thôn 1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thu, trữ, xử lý, kiểm soát chất lượng nguồn nước, chất lượng nước sau xử lý, mức tiêu thụ nước sạch. 2. Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ xanh trong</p>	<p>Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về nội dung này.</p>	<p>Các quy định tại Điều 8 và Điều 9 về khuyến khích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế để nâng cao ứng dụng, các giải pháp</p>

<p>xây dựng, quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn bảo đảm đo lường, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và phù hợp với từng địa phương.</p> <p>3. Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả quản lý vận hành khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, giảm thất thoát, thất thu nước sạch.</p> <p>4. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, chế độ, chính sách, cơ chế tài chính trong đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn hiệu quả và bền vững.</p> <p>5. Nguồn kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học, công nghệ được cấp từ các nguồn sau: ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và các nguồn vốn hợp pháp khác.</p>		<p>khoa học công nghệ, kinh nghiệm và hỗ trợ quốc tế góp phần nâng cao hiệu quả công tác cấp nước sinh hoạt nông thôn. Do đó, dự thảo Nghị định quy định nội dung này không trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan mặt khác góp phần nâng cao hiệu quả công tác đầu tư, quản lý khai thác công trình nước sạch nông thôn tập trung.</p>
<p>Điều 9. Hợp tác quốc tế trong cấp nước sinh hoạt nông thôn</p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>3. Huy động nguồn lực của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ trong hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>4. Chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p>	<p>Luật Tài nguyên nước: “Điều 68. Hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước 1. Nhà nước Việt Nam mở rộng hợp tác với các nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế trong việc điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học về tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra. 2. Nhà nước Việt Nam khuyến khích,</p>	<p>Luật Tài nguyên nước quy định chung về hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước. Trên cơ sở quy định của Luật Tài nguyên nước và các đặc thù của hoạt động cấp nước sạch nông thôn, dự thảo Nghị định quy định về hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn. Quy định này không</p>

	<p>hợp tác trao đổi các thông tin có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia; phối hợp nghiên cứu và lập quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia; phối hợp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; tạo thuận lợi cho việc quản lý và thực hiện các dự án liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.</p> <p>3. Nhà nước Việt Nam chủ động tham gia các tổ chức quốc tế về tài nguyên nước và các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan tới Việt Nam nhằm thúc đẩy hợp tác, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững nguồn nước liên quốc gia.”</p>	<p>mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của Luật Tài nguyên nước.</p>
CHƯƠNG II QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG		
1. Năng lực quản lý khai thác công trình		
<p>Điều 10. Phân loại công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>1. Công trình quy mô lớn là công trình có công suất cấp nước từ 5.000 m³/ngày đêm trở lên.</p> <p>2. Công trình quy mô vừa là công trình có công suất cấp nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm.</p> <p>3. Công trình quy mô nhỏ là công trình có công suất cấp nước từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 1.000m³/ngày đêm.</p> <p>4. Công trình quy mô rất nhỏ là công trình có công suất cấp nước dưới 100m³/ngày đêm.</p>	<p>Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về nội dung này.</p>	

Điều 11. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể;
- c) Hợp tác xã;
- d) Tổ hợp tác.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Đối với công trình do Nhà nước đầu tư: cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đối với công trình được đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nhà đầu tư tổ chức quản lý khai thác công trình theo phương án sản xuất kinh doanh và hợp đồng dự án và phải đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác quy định tại Điều 12 Nghị định này.

5. Đối với công trình do tư nhân đầu tư, Nhà đầu tư tự quyết định tổ chức quản lý khai thác công trình đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

6. Đối công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tại địa bàn thuộc khu vực nông thôn chuyển thành khu vực đô thị, đơn vị đang thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác tiếp tục được giao quản lý khai thác và phải đáp ứng yêu cầu về năng

- Tại khoản 3, điều 2, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch quy định: *Đơn vị cấp nước* là tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn nước sạch và bán lẻ nước sạch.

- Tại Điều 5. Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch có quy định về Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch.
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã.
- c) Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn nhà nước) có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.
- d) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

Như vậy, quy định nội dung như tại Điều 11, Điều 12 dự thảo Nghị định quy định về tổ chức quản lý vận hành, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn không phát sinh mâu thuẫn so với 2 nghị định đã có nêu trên; tuy nhiên có phần chi tiết, cụ thể hơn và phù hợp với thực tế cấp nước sạch nông thôn từ công trình cấp nước tập trung.

lực quản lý khai thác quy định tại Điều 12 Nghị định này đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về quản lý khai thác đối với công trình cấp nước đô thị.

Điều 12. Yêu cầu về năng lực trong quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Yêu cầu chung đối với tổ chức, cá nhân

a) Đơn vị sự nghiệp công lập phải có chức năng về cấp nước sạch;

b) Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch;

c) Hộ kinh doanh cá thể phải có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật...;

d) Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải có nội quy hoặc quy chế được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Luật Hợp tác xã, Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan.

2. Yêu cầu về các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ tổ chức, cá nhân

a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa hoặc nhóm công trình có tổng công suất được giao quản lý từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên, phải có các bộ phận sau: Bộ phận chuyên trách về quản lý nước (quản lý về số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý); Bộ phận chuyên trách về quản lý công trình; Bộ phận chuyên trách về quản lý kinh tế và đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn kỹ thuật quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

b) Đối với công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ phải có năng lực về

tài chính và đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn kỹ thuật quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều này phù hợp yêu cầu kỹ thuật, quy mô công trình được giao quản lý khai thác;

c) Các bộ phận chuyên môn quy định tại điểm a Điều này, phải bố trí tối thiểu 01 cán bộ có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp trở lên.

3. Yêu cầu tối thiểu về năng lực chuyên môn kỹ thuật

a) Công trình quy mô lớn: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 03 người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm về xây dựng, kỹ thuật điện, nước, vận hành trang thiết bị của công trình, tốt nghiệp các trường dạy nghề về chuyên ngành cấp thoát nước, xây dựng, thủy lợi, điện, cơ khí hoặc tương đương trở lên và có ít nhất một người có 01 năm kinh nghiệm về quản lý khai thác công trình thủy lợi, cấp, thoát nước.

b) Công trình quy mô vừa: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 02 người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm về xây dựng, kỹ thuật điện, nước, vận hành trang thiết bị của công trình, tốt nghiệp các trường dạy nghề về chuyên ngành cấp thoát nước, xây dựng, thủy lợi, điện, cơ khí hoặc tương đương trở lên;

c) Công trình quy mô nhỏ: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 01 người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm về xây dựng, kỹ thuật điện, nước, vận hành trang thiết bị của công trình, tốt nghiệp trường dạy nghề về chuyên ngành cấp thoát nước, xây dựng, thủy lợi, điện, cơ khí hoặc tương đương trở lên hoặc chứng chỉ đào tạo, tập huấn của cơ quan, tổ chức được cấp phép theo quy định

<p>của pháp luật;</p> <p>d) Công trình quy mô rất nhỏ: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 01 người được xác nhận là đã tham gia tập huấn về chuyên môn kỹ thuật quản lý khai thác công trình cấp nước sạch tập trung do các cơ quan, đơn vị chuyên môn, tổ chức quản lý khai thác về cấp nước sạch nông thôn tổ chức.</p>		
2. Nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt		
<p>Điều 5. Điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn</p> <p>Điều tra cơ bản cấp nước sinh hoạt nông thôn nhằm thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>1. Điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Hiện trạng về số lượng, chất lượng, năng lực phục vụ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp nước nông thôn; nhu cầu sử dụng nước sạch nông thôn;</p> <p>b) Hiện trạng về hoạt động, quản lý khai thác công trình trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác, xử lý và phân phối;</p> <p>c) Hiện trạng về cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, hiệu quả của cơ chế chính sách trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p> <p>d) Tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến đảm bảo cấp nước sạch, phục vụ đời sống của người dân và các hoạt động sử dụng nước khác ở khu vực nông thôn;</p>	<p>- Điều 13 Luật Tài nguyên nước quy định về Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, trong đó tại khoản 2, khoản 3 xác định: Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.</p> <p>- Điều 32. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân không được xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân khai thác nước để cấp nước cho sinh hoạt phải thực hiện</p>	<p>Trong dự thảo Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn có Điều 6. Điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn; Điều 19 về quản lý số lượng, chất lượng nước quy định về chất lượng nguồn nước; Điều 24 về yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước; Điều 30 về phạm vi bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn đều liên quan đến nguồn nước cấp phục vụ sinh hoạt. Các quy định trong Nghị định cấp nước sạch nông thôn không có gì mâu thuẫn với Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/5/2012 và Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày</p>

<p>đ) Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước cấp, các nguồn gây ô nhiễm, công tác phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, bảo vệ nguồn nước cấp trên các vùng, lưu vực sông.</p> <p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi cả nước hoặc vùng từ 02 tỉnh trở lên.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Khoản 1 Điều 14 "Quản lý số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý"</p> <p>a) Thu thập thông tin, dự báo về nguồn nước cấp; xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố, thiên tai, dịch bệnh;</p> <p>b) Thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng của nguồn nước cấp và nước sạch sau khi xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;</p> <p>d) Lập kế hoạch khai thác, điều hòa phân phối nước để đảm bảo lưu lượng cấp nước theo thiết kế và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước;</p> <p>đ) Thực hiện các biện pháp giải quyết, khắc phục sự cố liên quan đến nguồn nước cấp, chất lượng nước sau xử lý;</p> <p>e) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung;</p> <p>g) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi nội dung quản lý số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý.</p> <p>Khoản 3 Điều 18. Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai</p>	<p>các biện pháp sau đây:</p> <p>a) Thường xuyên quan trắc, theo dõi chất lượng nguồn nước sinh hoạt và bảo đảm chất lượng đối với nguồn nước do mình khai thác;</p> <p>b) Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.</p> <p>3. Người phát hiện hành vi gây hủy hoại, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm ngăn chặn và kịp thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trong phạm vi địa phương theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>b) Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.</p>	<p>27/11/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước 2012; Luật bảo vệ môi trường số 55/2010/QH13 ngày 23/6/2014.</p>
--	--	--

Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực hiện giải pháp đảm bảo cấp nước trong trường hợp thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm công trình hoạt động bình thường. Nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài trên 2 ngày (48 giờ), phải thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân tại khu vực bị ảnh hưởng.

Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn

1. Yêu cầu và nội dung bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn

- a) Bảo vệ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;
- b) Bảo đảm cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước, liên tục, đủ lưu lượng và chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định;
- c) Xây dựng phương án kiểm soát và ứng phó các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch;
- d) Thực hiện kiểm tra, đánh giá và giới hạn kiểm soát đảm bảo an toàn cấp nước.

2. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

- a) Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m³/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;

<p>c) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có trách nhiệm lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cho các công trình do đơn vị quản lý;</p> <p>d) Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn từ nguồn thu hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác; ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác;</p> <p>đ) Chi phí đảm bảo cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch.</p> <p>3. Kiểm tra, đánh giá thực hiện cấp nước an toàn</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác chịu trách nhiệm tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn của từng công trình do đơn vị quản lý và gửi báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định;</p> <p>b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.</p> <p>4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các quy định thực hiện bảo đảm kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p>		
3. Quản lý khai thác và bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn		
Điều 13. Yêu cầu đối với quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về nội dung này.	Nội dung Điều 13, 14, 21 quy định về yêu cầu đối

1. Quản lý khai thác công trình đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng dịch vụ cấp nước; bảo đảm khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tuân theo quy trình vận hành công trình được ban hành; phù hợp với quy mô công suất, dây chuyền công nghệ.

3. Thực hiện công tác kế toán tài chính và tài sản, báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo và tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nội dung quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Quản lý số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý

a) Thu thập thông tin, dự báo về nguồn nước cấp; xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố, thiên tai, dịch bệnh;

b) Thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng của nguồn nước cấp và nước sạch sau khi xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

d) Lập kế hoạch khai thác, điều hòa phân phối nước để đảm bảo lưu lượng cấp nước theo thiết kế và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước;

đ) Thực hiện các biện pháp giải quyết, khắc phục sự cố liên quan đến nguồn nước cấp, chất lượng nước sau xử lý;

e) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung;

g) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi nội dung quản lý số lượng,

với quản lý khai thác công trình bao gồm: Quản lý số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý; Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Quản lý kinh tế; Bảo vệ công trình quy định tại nội dung dự thảo Nghị định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khai thác.

Do đó, dự thảo Nghị định quy định nội dung này không trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan mặt khác góp phần nâng cao hiệu quả công tác đầu tư, quản lý khai thác công trình nước sạch nông thôn tập trung.

chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý.

2. Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Kiểm tra, đánh giá điều kiện an toàn của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; triển khai các biện pháp đảm bảo yêu cầu bảo vệ công trình;

b) Quản lý, tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo quy định; đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị;

c) Lập, ban hành, thực hiện quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và phương án bảo vệ công trình;

d) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi nội dung quản lý công trình.

3. Quản lý kinh tế

a) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

b) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt giá nước sạch theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật liên quan;

c) Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước;

d) Ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng dịch vụ cấp nước;

đ) Thực hiện nghiệp vụ tài chính kế toán hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch;

e) Xây dựng quy chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính kế toán công khai, minh bạch; tổ chức bộ máy quản lý phù hợp; bố trí trang thiết bị, cơ sở vật chất tối thiểu đảm bảo hoạt động quản lý;

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác, mở rộng khách hàng sử dụng nước phù hợp với phạm vi, công

năng, năng lực thiết kế của công trình;

h) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi quản lý tài sản, tài chính.

4. Quy định thực hiện nội dung quản lý, khai thác

a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa: tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Đối với công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ: cơ quan chuyên môn cấp nước sạch nông thôn tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định một số nội dung quản lý khai thác công trình theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

5. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung của các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác trên địa bàn.

Điều 21. Bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Phạm vi bảo vệ

a) Phạm vi bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm: phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình; phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô, đường ống phân phối nước; phạm vi bảo vệ trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ;

b) Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình cấp nước sạch tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

c) Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô, đường ống phân phối nước là hành lang an toàn đường ống

<p>nước thô, đường ống phân phối nước có chiều rộng tối thiểu 0,3m, tối đa 0,5m tính từ thành ống trở ra hai phía, chạy dọc theo chiều dài đường ống. Trong trường hợp không xác lập được hành lang an toàn, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có phương án bảo vệ an toàn đường ống cho phù hợp với tình hình thực tế;</p> <p>d) Phạm vi bảo vệ trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ là phạm vi nằm trong khuôn viên của trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ, bao gồm: công trình xử lý nước, bể chứa nước sạch, trạm bơm nước sạch, nhà điều hành và các công trình phụ trợ.</p> <p>2. Nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đặc điểm địa hình, nguồn nước, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và phạm vi bảo vệ công trình cấp nước;</p> <p>b) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình cấp nước; kế hoạch kiểm tra, theo dõi của tổ chức bảo vệ công trình;</p> <p>c) Quy trình và biện pháp xử lý khắc phục trong trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;</p> <p>d) Quy định về phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>3. Quy định thực hiện nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa: tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình lập và ban hành phương án bảo vệ, gửi chính quyền địa phương để phối hợp tổ chức thực hiện;</p> <p>b) Khuyến khích tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ lập, ban hành và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình.</p>		
Điều 15. Quy trình vận hành công trình cấp nước sạch	Khoản 11, điều 13 Luật Xây dựng 2014	- Trong dự thảo Nghị định

nông thôn tập trung

1. Nội dung quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm:

- a) Nguyên tắc vận hành công trình;
- b) Nhiệm vụ công trình;
- c) Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình;
- d) Sơ đồ công nghệ, nguyên lý hoạt động của hệ thống công trình cấp nước;
- đ) Kế hoạch phân phối nước hằng ngày và phương án vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn khi xảy ra tình huống không bình thường;
- e) Trình tự, thao tác vận hành các thiết bị, hạng mục công trình, quản lý mạng lưới đường ống cấp nước trong sơ đồ công nghệ của hệ thống công trình cấp nước; quy trình xử lý nước đạt chất lượng theo quy chuẩn;
- g) Phân công chi tiết nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân và kế hoạch sử dụng nguồn lực khác trong triển khai quy trình vận hành công trình cấp nước sạch tập trung;
- h) Quy định thực hiện việc ghi chép, lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác vận hành công trình.

2. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có quy mô công suất từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành công trình; khuyến khích tổ chức, cá nhân quản lý khai thác lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành đối với công trình có quy mô công suất nhỏ hơn 1.000 m³/ngày đêm.

3. Trách nhiệm lập, điều chỉnh, ban hành quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được quy định như sau:

quy định Nghiêm cấm sử dụng công trình không đúng với mục đích, công năng sử dụng; xây dựng coi nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung; Điều 126. Bảo trì công trình xây dựng:

1. Yêu cầu về bảo trì công trình xây dựng được quy định như sau:

a) Công trình, hạng mục công trình xây dựng khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được bảo trì;

b) Quy trình bảo trì phải được chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt trước khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào khai thác, sử dụng; phải phù hợp với mục đích sử dụng, loại và cấp công trình xây dựng, hạng mục công trình, thiết bị được xây dựng và lắp đặt vào công trình;

c) Việc bảo trì công trình phải bảo đảm an toàn đối với công trình, người và tài sản.

2. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình xây dựng, máy, thiết bị công trình.

cấp nước sạch nông thôn có điều Điều 17. Quy trình vận hành khai thác công trình; Điều 18. Quy định về vận hành khai thác công trình;

Điều 16. Bảo trì công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2021/QH14; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP

ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và tuân thủ theo quy định pháp luật về bảo trì công trình hiện hành. Do vậy nội dung quy định tại dự thảo đảm bảo không mâu thuẫn,

<p>a) Chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lập quy trình vận hành đối với công trình đầu tư xây dựng mới trước khi đưa vào khai thác và bàn giao cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác để ban hành, tổ chức thực hiện;</p> <p>b) Đối với công trình đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có trách nhiệm lập, ban hành, tổ chức thực hiện quy trình vận hành;</p> <p>c) Đối với công trình đang khai thác mà quy trình vận hành không còn phù hợp thực tế thì tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có trách nhiệm điều chỉnh quy trình vận hành, ban hành và tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành của các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn.</p> <p>Điều 16. Bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>1. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Nhà nước đầu tư, quản lý: thực hiện bảo trì công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của Chính phủ về bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và pháp luật liên quan.</p> <p>2. Đối với công trình không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư bố trí kinh phí và thực hiện bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng</p>	<p>3. Việc bảo trì công trình xây dựng, thiết bị công trình phải được thực hiện theo kế hoạch bảo trì và quy trình bảo trì được phê duyệt.</p> <p>- Tại mục 2. Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 20/01/2021, Bảo trì công trình xây dựng được quy định từ điều 30, 31, 32, 33, 34 và 35 với các nội dung: Trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng; Quy trình bảo trì công trình xây dựng; Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng; Thực hiện bảo trì công trình xây dựng; Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng và Chi phí bảo trì công trình xây dựng.</p> <p>- Luật bảo vệ môi trường tại Điều 37. Bảo vệ môi trường trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên quy định: Việc điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải tuân thủ quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải có nội dung về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; Trong quá trình điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm</p>	<p>chồng chéo với các quy định hiện hành về xây dựng, bảo trì công trình.</p>
--	--	---

<p>dự án. 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.</p>	<p>thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường; phải phục hồi môi trường theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
4. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn và thực hiện dịch vụ cấp nước		
<p>Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn 1. Yêu cầu và nội dung bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn a) Bảo vệ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; b) Bảo đảm cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước, liên tục, đủ lưu lượng và chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định; c) Xây dựng phương án kiểm soát và ứng phó các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; d) Thực hiện kiểm tra, đánh giá và giới hạn kiểm soát đảm bảo an toàn cấp nước. 2. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn a) Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m³/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh; c) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có trách nhiệm lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cho các công trình do đơn vị quản lý; d) Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn từ</p>	<p>- Tại điểm c, khoản 2, điều 1, Quyết định 1566/QĐ-TTg ngày 09/6/2016 quy định: Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước xác định: Tiếp tục triển khai việc lập kế hoạch cấp nước an toàn cho từng hệ thống cấp nước và tổ chức thực hiện; Xác định nhu cầu và lập kế hoạch đầu tư, cải tạo hệ thống cấp nước, các hoạt động hỗ trợ thực hiện cấp nước an toàn; Đầu tư, cải tiến quy trình công nghệ xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới về xử lý nước trong điều kiện suy thoái chất lượng nguồn nước và xâm nhập mặn; Đầu tư, lắp đặt thiết bị tiết kiệm năng lượng cho các trạm bơm nước thô, nước sạch; đầu tư bổ sung trạm bơm tăng áp, các thiết bị điều khiển lưu lượng, áp lực nước và kiểm soát lượng nước rò rỉ; cải tạo thay thế mạng đường ống cũ, rò rỉ; Đầu tư</p>	<p>Trong dự thảo Nghị định cấp nước sinh hoạt nông thôn có "Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn" và "Điều 18. Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai" hoàn toàn không có vấn đề gì mâu thuẫn với Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

nguồn thu hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác; ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác;

đ) Chi phí đảm bảo cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch.

3. Kiểm tra, đánh giá thực hiện cấp nước an toàn

a) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác chịu trách nhiệm tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn của từng công trình do đơn vị quản lý và gửi báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định;

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các quy định thực hiện bảo đảm kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

Điều 18. Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khi xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phải bao gồm nội dung đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân khi xảy ra thiên tai (hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, úng, ...).

2. Chính quyền địa phương chủ động phối hợp với cơ quan,

thiết bị kiểm soát chất lượng nước và bổ sung thiết bị khử trùng nước nhằm bảo đảm chất lượng nước và hàm lượng clo dư theo quy định; Đầu tư trang thiết bị, công nghệ và thực hiện các hoạt động hỗ trợ khác nhằm quản lý rủi ro, khắc phục sự cố.

- Tại điểm b, khoản 2, điều 2, Quyết định 1566/QĐ-TTg ngày 09/6/2016 quy định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc; Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn và chỉ đạo triển khai thực hiện; Xây dựng quy trình tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn hệ thống cấp nước nông thôn; thí điểm và nhân rộng mô hình cấp nước an toàn nông thôn; xây dựng kế hoạch, lộ trình và đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn của các hệ thống cấp nước khu vực nông thôn; Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai

<p>đơn vị chuyên môn hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp thu, trữ, xử lý nước, sử dụng nước an toàn, tiết kiệm.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực hiện giải pháp đảm bảo cấp nước trong trường hợp thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm công trình hoạt động bình thường. Nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài trên 2 ngày (48 giờ), phải thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân tại khu vực bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Khi nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác trong trường hợp tại khoản 3 Điều này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác tổ chức các biện pháp khắc phục sự cố và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả xử lý; trường hợp nằm ngoài khả năng xử lý thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để có giải pháp xử lý.</p>	<p>các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng, năng lực đơn vị cấp nước và các cơ quan quản lý cấp nước về cấp nước an toàn khu vực nông thôn; Báo cáo tổng kết và lập kế hoạch hàng năm việc thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn và gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp.</p>	
<p>Điều 19. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với chính quyền địa phương tại địa bàn thuộc vùng phục vụ cấp nước.</p> <p>2. Nội dung thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước bao gồm:</p> <p>a) Vùng phục vụ cấp nước;</p> <p>b) Kế hoạch và lộ trình đảm bảo cấp nước cho vùng phục vụ cấp nước;</p> <p>c) Nguồn tài chính dự kiến thực hiện kế hoạch và lộ trình đảm bảo cấp nước;</p>	<p>Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ)</p> <p>"Điều 31. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước</p> <p>1. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết</p>	<p>Nội dung Điều 19, Điều 20 dự thảo Nghị định không mâu thuẫn, chồng chéo và trùng lặp với quy định của Nghị định số 117, tuy nhiên có phần chi tiết, cụ thể hơn và phù hợp với thực tế cấp nước sạch nông thôn từ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.</p>

d) Giá tiêu thụ nước sạch;

đ) Các điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước (chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục cấp nước), lộ trình cải thiện các điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước;

e) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan.

3. Vùng phục vụ cấp nước tại điểm a khoản 2 Điều này là phạm vi cấp nước được quy định trong quyết định đầu tư của cơ quan có thẩm quyền và được cụ thể hóa trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và chính quyền địa phương trong vùng phục vụ cấp nước.

4. Cơ quan, đơn vị ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân quản lý khai thác không đảm bảo thực hiện cấp nước theo thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã ký kết, cơ quan, đơn vị ký thỏa thuận với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác báo cáo cơ quan cấp trên để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phương án xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thỏa thuận đấu nối và Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Trong giai đoạn đầu tư, Chủ đầu tư thực hiện thỏa thuận đấu nối theo quy định sau:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đấu nối với khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Trường hợp vị trí đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đấu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ

giữa Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan được ủy quyền với đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn.

2. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Vùng phục vụ cấp nước;

b) Định hướng kế hoạch phát triển cấp nước;

c) Nguồn tài chính dự kiến để thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước;

d) Giá nước, lộ trình, các nguyên tắc điều chỉnh giá nước;

đ) Các điều kiện dịch vụ (chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục), lộ trình cải thiện các điều kiện dịch vụ;

e) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan."

"Điều 42. Thỏa thuận đấu nối

1. Các khách hàng sử dụng nước nằm trong vùng phục vụ của đơn vị cấp nước được đấu nối vào mạng lưới của đơn vị đó trừ trường hợp được quy định tại Điều 43 của Nghị định này.

2. Khách hàng sử dụng nước là các hộ gia đình đã thỏa thuận đấu nối vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước mà không sử dụng hoặc sử dụng

điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả;

b) Tùy theo cơ chế tài chính của dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư được phép huy động chi phí đầu nối, đồng hồ đo nước từ khách hàng sử dụng nước;

c) Mức chi trả chi phí đầu nối, đồng hồ đo nước của khách hàng sử dụng nước trong trường hợp quy định tại điểm b khoản này được khấu trừ vào tiền sử dụng nước hàng tháng của khách hàng sử dụng nước theo thỏa thuận với Chủ đầu tư. Thời gian khấu trừ không quá 05 năm và được quy định cụ thể trong hợp đồng cung cấp nước sạch giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và khách hàng sử dụng nước.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác phải ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước.

3. Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước bao gồm:

a) Chủ thể hợp đồng;

b) Mục đích sử dụng nước sạch;

c) Chất lượng dịch vụ cấp nước (chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục cấp nước);

d) Giá tiêu thụ nước sạch, phương thức và thời hạn thanh toán (bao gồm kinh phí khấu trừ đầu nối quy định tại điểm c khoản 1 Điều này nếu có);

đ) Các nội dung khác do hai bên thỏa thuận;

e) Điều kiện chấm dứt hợp đồng;

g) Xử lý vi phạm hợp đồng;

h) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

nước ít hơn $4\text{m}^3/\text{hộ}$ gia đình/tháng thì hộ gia đình có nghĩa vụ thanh toán và đơn vị cấp nước được phép thu tiền nước theo khối lượng nước sử dụng tối thiểu quy định là $4\text{m}^3/\text{hộ}$ gia đình/tháng, trừ trường hợp tạm ngừng dịch vụ cấp nước được quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định này. Quy định về khối lượng nước sử dụng tối thiểu phải được thông báo cho các hộ gia đình biết trong quá trình tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng và được thể hiện trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước ký kết giữa đơn vị cấp nước và hộ gia đình.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối với các khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Trường hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả sau khi đã có thỏa thuận với đơn vị cấp nước.

4. Các khách hàng sử dụng nước chỉ được phép lắp đặt và chịu trách nhiệm về các thiết bị cấp nước sau điểm đầu nối và sau đồng hồ. Các thiết bị này phải được thiết kế, lắp đặt thích hợp với

	<p>các thiết bị của đơn vị cấp nước, bảo đảm an toàn, không gây sự cố rủi ro đối với thiết bị của đơn vị cấp nước.</p> <p>5. Các khách hàng sử dụng nước đầu nối vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước cho phép đại diện của đơn vị này kiểm tra chủng loại, tình trạng và tình hình hoạt động của thiết bị đã hoặc sẽ được đầu nối vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước. Việc tổ chức kiểm tra phải được thực hiện sao cho ít gây bất tiện nhất đối với khách hàng sử dụng nước.</p> <p>6. Thiết kế, xây lắp, bảo trì, sử dụng và kiểm tra các thiết bị của khách hàng sử dụng nước được đầu nối vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước."</p> <p>"Điều 44. Hợp đồng dịch vụ cấp nước</p> <p>1. Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước.</p> <p>2. Hợp đồng dịch vụ cấp nước bao gồm các nội dung cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Chủ thể hợp đồng;b) Mục đích sử dụng;c) Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ;	
--	--	--

	<p>d) Quyền và nghĩa vụ của các bên; đ) Giá nước, phương thức và thời hạn thanh toán; e) Điều kiện chấm dứt hợp đồng; g) Xử lý vi phạm hợp đồng; h) Các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.</p> <p>3. Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ phải được Ủy ban nhân dân ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước bán lẻ xem xét, chấp thuận bằng văn bản."</p>	
5. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung		
<p>Điều 22. Quyền của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>1. Vận hành, khai thác công trình, sản xuất, cung cấp nước sạch theo quy định của pháp luật; được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình vận hành, khai thác công trình.</p> <p>2. Được tham gia ý kiến vào việc lập phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn; tham gia ý kiến và giám sát đầu tư, quản lý khai thác các công trình hạ tầng cấp nước sạch khác trên cùng địa bàn; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng và vận hành, khai thác công trình.</p> <p>3. Chủ động thực hiện và báo cáo cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư về các biện pháp quản lý, vận hành, khai</p>	<p>- Tại Điều 55, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 quy định quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước:</p> <p>1. Đơn vị cấp nước có các quyền sau:</p> <p>a) Hoạt động kinh doanh cấp nước theo các quy định, được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước;</p> <p>b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến hoạt động cấp nước;</p>	<p>Trong dự thảo Nghị định quy định cấp nước sinh hoạt nông thôn có Điều 22, Điều 23, Điều 24 và Điều 25 quy định Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Quyền và trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước.</p> <p>Kết quả rà soát cho thấy các quy định trong dự thảo Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn</p>

thác, bảo vệ công trình và mở rộng mạng ống phân phối cung cấp nước công trình theo quy định của pháp luật để đảm bảo vận hành khai thác công trình theo mục tiêu, phạm vi dự án đã được phê duyệt.

4. Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ giá nước sạch theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và pháp luật liên quan.

5. Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý khai thác và bảo vệ công trình.

6. Được ký kết và thực hiện hợp đồng đầu nối, dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước và thu tiền chi phí đầu nối, tiền sử dụng nước ở những công trình được giao quản lý khai thác.

7. Được Chủ đầu tư đền bù kinh phí thực hiện công tác di dời đường ống cấp nước do thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật trừ các trường hợp cụ thể do Chính phủ quy định.

8. Có quyền từ chối cung cấp nước trong trường hợp khách hàng sử dụng nước vi phạm các quy định trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

9. Được phép vào các khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước.

10. Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật và hợp đồng.

11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Thực hiện các nội dung quản lý khai thác công trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định này; thực hiện vận hành theo nhiệm vụ thiết kế và quy trình vận hành đã lập và phê duyệt.

c) Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn;

d) Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cấp nước có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy trình, quy phạm vận hành hệ thống cấp nước;

b) Xử lý sự cố, khôi phục việc cấp nước;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường;

d) Đầu tư lắp đặt đường ống đến điểm đầu nối bao gồm cả đồng hồ nước cho khách hàng sử dụng nước trừ trường hợp có các thỏa thuận khác;

đ) Bảo vệ an toàn nguồn cấp nước, xây dựng đới phòng hộ vệ sinh khu vực lấy nước, hệ thống công trình cấp nước theo quy định;

e) Bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ theo quy định;

g) Báo cáo đột xuất khi được yêu cầu và định kỳ theo quy định tới chính

chỉ kế thừa và cụ thể hơn đối với khu vực nông thôn, không có vấn đề gì mâu thuẫn với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

<p>2. Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, số lượng, chất lượng nước và chất lượng dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết với khách hàng sử dụng nước.</p> <p>3. Đảm bảo khách hàng sử dụng nước được đấu nối vào mạng cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị, cân đối nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích khác nhau.</p> <p>4. Đánh giá và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>5. Phối hợp với chính quyền địa phương, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước.</p> <p>6. Công bố công khai chất lượng dịch vụ cấp nước sạch tới khách hàng sử dụng nước theo ít nhất một trong hai hình thức: trên trang thông tin điện tử của đơn vị, tại công trình cấp nước; bao gồm thông tin về chất lượng nước sạch sau khi xử lý, lưu lượng nước cấp, thời gian cấp nước, thời gian khắc phục sự cố và giải quyết các khiếu nại của khách hàng.</p> <p>7. Lập và công bố công khai đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các phản ánh, khiếu nại của khách hàng sử dụng nước về chất lượng dịch vụ cấp nước sạch.</p> <p>8. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của cơ quan chức năng, cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.</p> <p>9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 24. Quyền của khách hàng sử dụng nước</p> <p>1. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ quy định trong hợp đồng dịch vụ cấp</p>	<p>quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương và trung ương;</p> <p>h) Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Tại Điều 56, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 quy định quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước:</p> <p>1. Khách hàng sử dụng nước có các quyền sau:</p> <p>a) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Yêu cầu đơn vị cấp nước kịp thời khôi phục việc cấp nước khi có sự cố;</p> <p>c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước;</p> <p>d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị cấp nước gây ra theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán;</p> <p>e) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi</p>	
--	---	--

<p>nước.</p> <p>2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân quản lý khai thác kịp thời xử lý sự cố, khôi phục nhanh nhất hoạt động cấp nước.</p> <p>3. Được cung cấp thông tin về hoạt động cấp nước và thông báo kịp thời về sự cố cấp nước.</p> <p>4. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác.</p> <p>5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân quản lý khai thác kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm tiêu thụ nước và số tiền nước phải thanh toán khi có nghi vấn hoặc phát sinh bất thường.</p> <p>6. Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác sạch nông thôn hoặc các bên có liên quan.</p> <p>7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 25. Trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước</p> <p>1. Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>2. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích; bảo vệ tài sản, thiết bị đo đếm và hạ tầng cấp nước có liên quan.</p> <p>3. Thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước, chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.</p> <p>4. Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân quản lý khai thác kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.</p> <p>5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định</p>	<p>phạm pháp luật về cấp nước của đơn vị cấp nước hoặc các bên có liên quan;</p> <p>g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Khách hàng sử dụng nước có các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;</p> <p>b) Sử dụng nước tiết kiệm;</p> <p>c) Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản;</p> <p>d) Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước;</p> <p>đ) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước;</p> <p>e) Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
---	---	--

<p>của pháp luật. 6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Chương III CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ</p>		
<p>Điều 26. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: nhà đầu tư có dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Việc lựa chọn nhà đầu tư thuộc đối tượng hỗ trợ tại khoản 1 Điều này thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.</p> <p>3. Điều kiện ưu đãi, hỗ trợ</p> <p>a) Dự án nằm trong danh mục dự án kêu gọi đầu tư được cơ quan có thẩm quyền ban hành;</p> <p>b) Dự án có quy mô tổng mức đầu tư nhỏ hơn 200 tỷ đồng; trường hợp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư thì nhỏ hơn 100 tỷ đồng.</p> <p>4. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ</p> <p>a) Nhà nước hỗ trợ đầu tư thông qua hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng dự án;</p> <p>b) Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p> <p>c) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nhà đầu tư theo dự án quy định tại Nghị định này là mức hỗ trợ tối đa. Mức hỗ trợ cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước;</p>	<p>Quyết định Số: 131/2009/QĐ-TTg Ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn quy định Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quyết định này quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp) và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch theo hệ thống tập trung, phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn.</p> <p>2. Các công trình cấp nước nhỏ lẻ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.</p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Quyết định này áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân</p>	<p>Quy định như dự thảo Nghị định là phù hợp</p>

<p>d) Nhà đầu tư tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật đầu tư. Nhà đầu tư được hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>đ) Trong cùng một thời gian, nếu dự án được hưởng mức hỗ trợ tại Điều này thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư khác.</p> <p>5. Nội dung ưu đãi bao gồm:</p> <p>a) Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</p> <p>b) Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>6. Nội dung hỗ trợ bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng của dự án: mức hỗ trợ được tính theo tỷ lệ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của dự án tùy theo địa bàn đầu tư của dự án; tối đa 90% tổng chi phí kết cấu hạ tầng của dự án thuộc khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; tối đa 40% tổng chi phí kết cấu hạ tầng của dự án thuộc địa bàn vùng đồng bằng; tối đa 60% tổng chi phí kết cấu hạ tầng của dự án thuộc vùng nông thôn khác;</p> <p>b) Đối với phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng của dự án không thuộc khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, đối tượng thu và cách sử dụng nguồn thu của kinh phí hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định.</p>	<p>(sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn.</p> <p>Điều 4. Các chính sách khuyến khích hỗ trợ trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn</p> <p>1. Ưu đãi về đất đai:</p> <p>a. Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phục vụ cho cộng đồng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, hoặc được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền sử dụng đất.</p> <p>b. Đất được Nhà nước giao, cho thuê không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất; không được thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để vay vốn; không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh.</p> <p>c. Việc sử dụng đất được giao hoặc thuê phải đúng mục đích và các quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp sử</p>	
---	---	--

<p>7. Nguồn vốn và giao kế hoạch vốn hỗ trợ</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cân đối ngân sách bố trí nguồn vốn đầu tư, và huy động các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hỗ trợ đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư công;</p> <p>c) Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công.</p> <p>8. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ cho các dự án được hoàn thành và nghiệm thu theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.</p> <p>9. Trình tự, thủ tục kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án được hỗ trợ: thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công</p> <p>10. Quyết toán nguồn vốn: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quyết toán phần vốn hỗ trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>	<p>dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả Nhà nước sẽ thu hồi.</p> <p>2. Ưu đãi về thuế:</p> <p>a. Các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ hoạt động quản lý, khai thác các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.</p> <p>b. Đối với cơ sở có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau, ngoài các hoạt động quy định tại điểm a, khoản 2, Điều này, phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 13. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định</p> <p>Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn</p> <p>1. Doanh nghiệp có dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn được hỗ trợ như sau:</p>	
---	---	--

	<p>a) Hỗ trợ 03 triệu đồng/m³/ngày đêm công suất cho xây mới hoặc 02 triệu đồng/m³/ngày đêm công suất cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch.</p> <p>b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên.</p> <p>3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động vốn:</p> <p>Các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án, công trình cấp nước nông thôn:</p> <p>a. Được hưởng mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ; + Không quá 60% đối với vùng đồng bằng, vùng duyên hải; + Không quá 75% đối với các vùng nông thôn khác; + Không quá 90% đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới. <p>Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn ở các địa phương không thuộc địa bàn kinh tế -</p>	
--	--	--

	<p>xã hội khó khăn, có khả năng thu đủ chi phí, tính đúng, tính đủ theo quy định, thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức thu, đối tượng thu và cách sử dụng nguồn thu đó.</p> <p>b. Được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định hiện hành.</p> <p>c. Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.</p> <p>d. Được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước.</p> <p>Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 quy định Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ</p> <p>1. Hồ sơ, trình tự đề nghị hỗ trợ</p> <p>a) Doanh nghiệp gửi 03 bộ hồ sơ gồm Dự án đầu tư, văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp tới Sở Kế hoạch và Đầu tư (Mẫu số 02 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này).</p> <p>b) Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm</p>	
--	--	--

việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này), trong vòng 05 ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp (Mẫu số 04 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này). Trường hợp từ chối cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi doanh nghiệp nêu rõ lý do.

c) Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nghiệm thu hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án

a) Căn cứ đề nghị nghiệm thu của doanh nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì mời các cơ quan liên quan tham gia Hội đồng nghiệm thu.

b) Nội dung nghiệm thu: Nghiệm thu hạng mục, toàn bộ dự án theo Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

c) Biên bản nghiệm thu của hội đồng nghiệm thu (Mẫu số 05 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này) là căn cứ để

	<p>giải ngân vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp. Ngoài ra các cơ quan nhà nước không được yêu cầu doanh nghiệp bổ sung các văn bản khác.</p> <p>3. Thủ tục nhận hỗ trợ</p> <p>Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị giải ngân vốn hỗ trợ gồm: Biên bản nghiệm thu, quyết định giao vốn của cơ quan có thẩm quyền gửi Kho bạc Nhà nước để được giải ngân khoản hỗ trợ trong vòng 05 ngày làm việc.</p>	
<p>Điều 27. Hỗ trợ giá nước sạch</p> <p>1. Đối tượng được hỗ trợ giá nước sạch: Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.</p> <p>2. Nguyên tắc hỗ trợ giá nước sạch</p> <p>a) Chỉ tính hỗ trợ giá cho khối lượng nước sạch tiêu thụ trong phạm vi định mức hỗ trợ giá nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định áp dụng đối với từng đối tượng sử dụng nước được hỗ trợ giá;</p> <p>b) Tổng khối lượng hỗ trợ giá nước sạch được tính dựa trên khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế trong phạm vi định mức hỗ trợ trên nguyên tắc tổng khối lượng nước sạch được hỗ trợ giá không lớn hơn tổng khối lượng nước sạch được hỗ trợ giá áp dụng cho từng đối tượng sử dụng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;</p> <p>c) Tổng kinh phí hỗ trợ giá nước sạch bằng tổng khối lượng hỗ trợ giá nước sạch tiêu thụ thực tế nhân với chênh lệch giữa</p>	<p>Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg quy định Điều 4 khoản 4. Hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn:</p> <p>Trường hợp giá bán nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thấp hơn giá thành được tính đúng, tính đủ theo quy định, thì hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.</p>	<p>Quy định như dự thảo là phù hợp với Quyết định Số: 131/2009/QĐ-TTg Ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn quy định và Luật Giá.</p>

giá thành sản xuất nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch của từng công trình cấp nước;

d) Đối với công trình có chất lượng nước sạch chưa đạt quy chuẩn, được hỗ trợ giá tương ứng với chi phí bảo trì công trình. Trường hợp công trình chưa có định mức bảo trì, tổng kinh phí hỗ trợ giá nước sạch tối đa không vượt quá 0,25% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình.

3. Điều kiện được hỗ trợ giá nước sạch

a) Công trình có giá tiêu thụ nước sạch thấp hơn giá thành sản xuất nước sạch;

b) Việc xác định giá thành sản xuất nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ giá nước sạch từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của ngân sách địa phương.

5. Quy trình xét cấp hỗ trợ giá nước sạch

a) Căn cứ vào kế hoạch cấp nước của đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác lập kế hoạch đề xuất hỗ trợ giá nước sạch cùng kỳ lập kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm của địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Sở Tài chính thẩm định, ghi vào dự toán ngân sách theo hạng, mục quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt;

c) Căn cứ kế hoạch ngân sách địa phương sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (trong đó có phần hỗ trợ giá nước sạch), cơ quan tài chính cấp hỗ trợ giá nước sạch cho các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác theo phân cấp của

<p>địa phương.</p> <p>6. Thời gian cấp hỗ trợ giá nước sạch được thực hiện 2 lần trong năm theo quy định sau:</p> <p>a) Lần 1 trước quý II hàng năm cấp 70% kế hoạch hỗ trợ giá nước sạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Lần 2 vào quý I năm sau, cấp hết số còn lại sau khi đã quyết toán.</p> <p>7. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ giá nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính.</p>		
<p>Điều 28. Hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình</p> <p>1. Các hình thức và đối tượng hỗ trợ bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ hộ gia đình nông thôn vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình;</p> <p>b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn;</p> <p>c) Hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào hoặc nguồn cấp nước khác chưa đạt quy chuẩn.</p> <p>2. Nguyên tắc hỗ trợ</p> <p>a) Chỉ hỗ trợ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình cho những hộ gia đình ở những khu vực không thể tiếp cận công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;</p> <p>b) Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục đích đúng đối tượng;</p> <p>c) Nguồn lực hỗ trợ được huy động từ các nguồn vốn để thực</p>	<p>Chưa có quy định nội dung này tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.</p>	<p>Qua tổng kết đánh giá hoạt động về cấp nước sinh hoạt nông thôn, để đảm thực hiện mục tiêu mọi người dân nông thôn được tiếp cận với nước sạch, cần có chính sách hỗ trợ về cấp nước quy mô hộ gia đình như nội dung dự thảo. Nội dung quy định như dự thảo không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của pháp luật hiện hành.</p>

hiện, kết hợp giữa Nhà nước và Nhân dân cùng thực hiện;
 d) Hộ gia đình tự tổ chức thi công xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và lắp đặt hệ thống xử lý nước hộ gia đình đảm bảo theo hướng dẫn về kỹ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và hướng dẫn của nhà sản xuất thiết bị.

3. Quy định hỗ trợ nội dung tại điểm a khoản 1 Điều này như sau:

a) Mức vay vốn tín dụng ưu đãi: thực hiện theo quy định của chương trình tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trình tự, thủ tục vay vốn tín dụng ưu đãi: thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Quy định hỗ trợ nội dung tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này như sau:

a) Mức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo từng đối tượng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; tối đa 70% giá trị thực tế đối với hộ nghèo, gia đình chính sách; tối đa 50% giá trị thực tế đối với hộ cận nghèo. Trường hợp hộ gia đình được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất;

b) Kinh phí hỗ trợ: từ ngân sách địa phương.

c) Lập danh sách hỗ trợ

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo tới các hộ gia đình thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng, hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý

nước, công trình cấp nước quy mô hộ gia đình đăng ký lập danh sách trước ngày 31 tháng 5;

Căn cứ đề nghị của các hộ gia đình, Ủy ban nhân dân xã tiến hành rà soát thẩm định, tổng hợp gửi danh sách các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đủ điều kiện hỗ trợ lên Ủy ban nhân dân huyện trước ngày 30 tháng 6.

d) Quyết định giao kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào danh sách đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tiến hành rà soát, thẩm định, tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đưa vào kế hoạch ngân sách năm sau trước ngày 30 tháng 9. Sau khi được Hội đồng nhân dân thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao kinh phí cho Ủy ban nhân dân huyện để thực hiện.

đ) Thực hiện hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao kinh phí của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn hộ gia đình lựa chọn mô hình công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và công nghệ, thiết bị xử lý nước hộ gia đình; Ủy ban nhân dân huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu lắp đặt thiết bị xử lý nước cho hộ gia đình theo quy định và hướng dẫn các hộ gia đình làm thủ tục rút tiền tại Kho bạc nhà nước.

Chương IV

CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

Điều 29. Hệ thống thông tin, dữ liệu, báo cáo trong lĩnh

Quy định mới

Quy định về "Xây dựng cơ

vực cấp nước sạch nông thôn

1. Thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn:
- Cơ chế chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn;
 - Kết quả tổng hợp về thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn, kết quả điều tra cơ bản trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn;
 - Hiện trạng cấp nước nông thôn: hiện trạng về sử dụng nước, tổ chức quản lý, quản lý khai thác, chất lượng nước, giá nước, đầu tư xây dựng;
 - Dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung;
 - Thông tin, dữ liệu khác phục vụ công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.
2. Báo cáo trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn:
- Báo cáo đột xuất: báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Báo cáo quý: báo cáo kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;
 - Báo cáo năm: báo cáo kết quả thực hiện công tác cấp nước sinh hoạt nông thôn của các cấp.

Điều 30. Tổ chức báo cáo về cấp nước sinh hoạt nông thôn

- Báo cáo đột xuất: Tùy theo tình huống phát sinh liên quan đến sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cơ quan chuyên môn cấp trên yêu cầu cơ quan chuyên môn cấp dưới hoặc tổ chức quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tổ chức lập báo cáo.
- Báo cáo quý: cơ quan chuyên môn cấp tỉnh về lĩnh vực y tế yêu cầu tổ chức quản lý khai thác công trình cấp nước sạch

sở dữ liệu, báo cáo về cấp nước sinh hoạt nông thôn" tại các Điều 29, 30, 31 nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn cần quy định xây dựng cơ sở dữ liệu, chế độ và trình tự báo cáo từ tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, ủy ban nhân dân cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và trung ương đảm bảo thống nhất, đồng bộ. Nội dung quy định tại dự thảo đảm bảo không phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành.

nông thôn tập trung báo cáo kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước trong và liên quan đến phạm vi quản lý của tổ chức.

3. Báo cáo năm:

a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung chịu trách nhiệm lập báo cáo năm về kết quả cấp nước sinh hoạt nông thôn, báo cáo hoạt động sản xuất, khai thác, cung cấp nước sạch gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo mẫu ... tại phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định (theo mẫu ... tại phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này);

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng hợp năm về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn trước ngày 31 tháng 3 hằng năm (theo mẫu ... tại phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này).

Điều 31. Cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn

1. Cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn là hệ thống thông tin, dữ liệu dạng số, được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu truy cập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý cấp nước sinh hoạt nông thôn.

<p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi toàn quốc đảm bảo thống nhất, thuận tiện cho việc tương tác, khai thác, tra cứu phục vụ công tác quản lý.</p> <p>3. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn đảm bảo phù hợp với cơ sở dữ liệu chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.</p> <p>4. Kinh phí xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn quy định tại khoản 1 Điều 29 được bố trí vốn ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung.</p>		
Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN		
<p>Điều 32. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương</p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>a) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về cấp nước sinh hoạt nông thôn ở cấp quốc gia và tổ chức triển khai thực hiện;</p> <p>b) Trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định trong Nghị định cho phù hợp với từng thời kỳ phát triển;</p> <p>c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn và các quy định tại Nghị định này trên phạm vi toàn</p>	<p>Quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ; các Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ (Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Y tế...).</p>	

quốc; chỉ đạo đảm bảo cung cấp nước sạch trong trường hợp thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu;

d) Xây dựng, rà soát, sửa đổi theo thẩm quyền các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

đ) Thực hiện điều tra cơ bản, ứng dụng khoa học công nghệ về cấp nước sinh hoạt nông thôn; tổ chức truyền thông, đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn; kiểm tra, đánh giá diễn biến các tác động đến số lượng, chất lượng nguồn nước cấp, thực trạng công tác quản lý khai thác và chất lượng dịch vụ cấp nước hàng năm trên phạm vi toàn quốc thuộc phạm vi mình quản lý;

e) Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án về cấp nước sinh hoạt nông thôn.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu hàng năm cho ngân sách địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này;

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn;

c) Đầu mối vận động nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho đầu tư phát triển cấp nước sạch nông thôn theo thứ tự ưu tiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Bộ Tài chính

a) Hướng dẫn việc cấp, hỗ trợ tài chính cho các chính sách quy định tại Nghị định này;

b) Tổng hợp nhu cầu vốn sự nghiệp hàng năm của các địa phương để bố trí vốn cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này;

c) Cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ giá nước sạch nông thôn cho địa phương.

4. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về cấp nước sinh hoạt nông thôn; phối hợp trong nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về cấp nước sạch nông thôn.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Theo dõi, quản lý việc khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ sinh hoạt; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các vi phạm phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và xả thải gây ô nhiễm nguồn nước cấp cho sinh hoạt.

6. Bộ Y tế chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng; ban hành, sửa đổi quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn này trên phạm vi toàn quốc.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc

<p>thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sinh hoạt nông thôn và bố trí lồng ghép các Chương trình, dự án liên quan để hỗ trợ hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn theo chính sách quy định tại Nghị định này.</p>		
<p>Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn hành chính của mình, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng, ban hành kế hoạch, định hướng phát triển hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn phù hợp với thực tiễn tại địa phương và Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Bố trí kinh phí trong kế hoạch tài chính trung hạn, hàng năm của địa phương để thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này. 3. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cấp nước sạch nông thôn, cơ chế hỗ trợ giá nước sạch, chính sách hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, đảm bảo tuân theo quy định của Nghị định này, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan. 4. Xây dựng, ban hành, sửa đổi các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước sinh hoạt trên địa bàn, quy trình, định mức bảo trì, bảo dưỡng công trình cấp nước sạch tập trung, định mức kinh tế 	<p>Quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.</p>	

<p>kỹ thuật trong sản xuất nước sạch nông thôn, quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.</p> <p>5. Chỉ đạo thực hiện việc theo dõi, quản lý hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn; phân công, phân cấp trách nhiệm, ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý, giám sát hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn.</p> <p>6. Chỉ đạo thực hiện công tác theo dõi - đánh giá, điều tra cơ bản, truyền thông, khoa học công nghệ, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cấp nước sinh hoạt nông thôn, thống kê số liệu, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>7. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn; chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn, khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo an ninh nguồn nước.</p> <p>8. Hàng năm, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đánh giá và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn, ưu tiên thực hiện tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.</p>		
Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
<p>Điều 34. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng.... năm 2023;</p> <p>2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP</p>	<p>Quy định này bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	

<p>ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp và đầu tư và nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>3. Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn hết hiệu lực khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p>		
<p>Điều 35. Xử lý chuyển tiếp</p> <p>1. Các dự án cấp nước sạch nông thôn đã được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật từ trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan cấp có thẩm quyền.</p> <p>2. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý khai thác theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác tại Điều 12 Nghị định này thì tổ chức quản lý khai thác công trình có trách nhiệm hoàn thiện năng lực đảm bảo quy định trong vòng 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Đối với các dự án đã quyết toán, đã đầu tư hoặc đang đầu tư và đã được bố trí trong nguồn vốn đầu tư công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt tỷ lệ hỗ trợ vốn đầu tư, mức hỗ trợ vốn đầu tư thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhưng không vượt tổng giá trị vốn đầu tư công đã bố trí.</p>	<p>Quy định này bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	
<p>Điều 36. Trách nhiệm thi hành</p> <p>1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.</p>	<p>Quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ; các Nghị định</p>	

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	
---	---	--

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

